



guàn cháng

灌肠

noun/verb · enema; sausage stuffing

Example Sentences

Yī shēng gěi tā zuò le guàn cháng zhì liáo

医生给他做了灌肠治疗。

The doctor gave him an enema treatment.

Zhè zhǒng guàn cháng shì yòng zhū ròu zuò de

这种灌肠是用猪肉做的。

This type of sausage is made from pork.

Trace each character, then write the word on your own.

灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌
灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌	灌
灌										
肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠	肠